

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn**  
**giai đoạn 2021-2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 3268/QĐ-UBND ngày 4/8/2021 của UBND tỉnh phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 5039/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1113/QĐ-UBND ngày 6/4/2022 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2022;*

*Căn cứ Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2022;*

*Căn cứ Quyết định số 2979/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2022;*

*Căn cứ Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 18/12/2022 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 958/QĐ-UBND ngày 30/3/2023 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2023;*

*Căn cứ Quyết định số 2774/QĐ-UBND ngày 26/7/2023 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 3581/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;*

Căn cứ Quyết định số 4564/QĐ-UBND ngày 08/12/2023 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 27/3/2024 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 2647/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 07/11/2024 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, với các nội dung như sau:

1. Vốn ngân sách tỉnh: Điều chỉnh giảm 187.856 triệu đồng của 17 danh mục, dự án để bố trí bổ sung cho 13 danh mục, dự án.

*(Chi tiết như Phụ lục 01 kèm theo)*

2. Vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Điều chỉnh nội bộ kế hoạch vốn của 7 xã thuộc 5 huyện, thị xã (An Nhơn, Hoài Ân, Phù Cát, Tuy Phước, Vĩnh Thạnh).

*(Chi tiết như Phụ lục 02 kèm theo)*

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh hướng dẫn các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /s/

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS – HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP và CV VPUBND tỉnh;
- Lưu VT, TTTHCB, K17.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tuấn Thanh**

Phụ lục số 01

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VỐN NGÂN SÁCH TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2024 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt Chủ trương đầu tư/Dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025	Đề xuất điều chỉnh vốn NST: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh (*)	Ghi chú
				Số QĐ, ngày/tháng/năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh				
1	2	4	5	6	7	8	10	11	12	13
<b>I</b>	<b>DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH GIẢM</b>							<b>-187.856</b>		
<b>a)</b>	<b>Dự án hoàn thành</b>							<b>-25.556</b>		
1	Bảo đảm an toàn hồ chứa phía Đông Bắc huyện Phù Mỹ (hồ Đồng Dụ, Hóc Nhạn)	Ban QLDA NN&PTNT	2022-2024	2010/QĐ-UBND; 24/6/2022	65.000	10.000	10.000	-8.300	1.700	
2	Bảo đảm an toàn hồ chứa tại các huyện Hoài Ân và Hoài Nhơn (Hồ Chuối, Hóc Cau, Bè né, Hóc Sim, Hóc Cau, Hóc Dài)	Ban QLDA NN&PTNT	2022-2024	2009/QĐ-UBND; 24/6/2022	69.000	7.000	7.000	-3.400	3.600	
3	Bảo đảm an toàn hồ chứa phía Nam huyện Phù Mỹ và huyện Phù Cát (hồ Hóc Mần, Hóc Xoài, Đốc Đa, Suối Sỏ, Suối Chay)	Ban QLDA NN&PTNT	2022-2024	2011/QĐ-UBND; 24/6/2022	78.000	8.000	8.000	-3.000	5.000	
4	Nâng cấp, mở rộng đường kết nối thị trấn An Lão với trung tâm xã An Dũng mới, huyện An Lão	UBND huyện An Lão	2022-2024	2231/QĐ-UBND; 18/7/2022	42.863	29.519	29.519	-1.310	28.209	
5	Phòng khám đa khoa khu vực Phước Hòa	UBND huyện Tuy Phước	2022-2024	197/QĐ-SKHĐT; 02/8/2023	10.610	4.466	5.000	-534	4.466	
6	Nhà lắp đặt máy xạ trị gia tốc bệnh viện Đa Khoa tỉnh	BVĐK tỉnh	2022-2023	239/QĐ-SKHĐT; 15/12/2022	13.707	13.707	13.900	-254	13.646	
7	Cải tạo, sửa chữa Nhà Mô thuộc Khoa Phẫu thuật – Gây mê hồi sức thuộc dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định	Sở YT	2021-2023	29/QĐ-SKHĐT; 22/01/2021	14.778	14.778	12.691	-233	12.458	
8	Trụ sở làm việc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định	BQL KKT	2021-2024	120/QĐ-BQL; 13/5/2021 419/QĐ-BQL; 07/12/2022.	64.623	64.623	62.874	-146	62.728	
9	Trường MN Phú Phong; hạng mục: Xây dựng 06 phòng học; 03 Phòng bộ môn; Khu Hiệu bộ và Tường rào, cổng ngõ.	UBND huyện Tây Sơn	2022-2024	234/QĐ-SKHĐT; 07/12/2022	14.988	9.171	10.471	-1.471	9.000	
10	Trường THCS Võ Xán; Hạng mục: Xây dựng 16 phòng học, Nhà tập thể Thao và Nhà bộ môn	UBND huyện Tây Sơn	2022-2024	3611/QĐ-UBND; 3/11/2022	29.535	18.797	19.844	-1.092	18.752	
11	Trường Chính trị tỉnh (Khu Hiệu bộ, Trang thiết bị, Hội trường tầng 3, khu nội trú, sân trường, cột cờ, bảng điện...)	Trường CT Tỉnh	2022-2023	18/QĐ-SKHĐT; 18/01/2023	10.799	10.799	10.304	-249	10.055	
12	Trạm nghiên cứu thực nghiệm khoa học và công nghệ thuộc Trung tâm Thông tin - Ứng dụng khoa học và công nghệ Bình Định, tại Phước An, Tuy Phước, Bình Định; HM: Nhà nuôi trồng nấm ăn, nấm dược liệu; cải tạo NC trạm biến áp và đường dây trung, hạ thế	Sở KH&CN	2022-2024	94/QĐ-SKHĐT; 07/6/2022	7.920	7.920	7.921	-229	7.692	
13	Mở rộng đường vào sân bay Phù Cát (đoạn từ Quốc lộ 1 đến công sân bay Phù Cát)	Ban QLDA GT	2019-2023	3700/QĐ-UBND; 14/10/2019 18/QĐ-UBND; 05/01/2021 2145/QĐ-UBND; 11/07/2022	365.474	365.474	132.076	-4.448	127.628	
14	Doanh trại Đại đội trinh sát/BCHQS tỉnh Bình Định (Giai đoạn 2)	BCH QS tỉnh	2021 - 2022	2420/QĐ-UBND; 18/6/2021 4566/QĐ-UBND; 10/12/2023	21.645	21.645	21.826	-890	20.936	
<b>b)</b>	<b>Dự án đang triển khai thực hiện</b>							<b>-162.300</b>		

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt Chủ trương đầu tư/Dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025	Đề xuất điều chỉnh vốn NST: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh (*)	Ghi chú
				Số QĐ, ngày/tháng/năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh				
1	2	4	5	6	7	8	10	11	12	13
1	Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước	Ban QLDA NN&PTNT	2021-2026	5169/QĐ-UBND; 18/12/2020	573.031	573.031	400.000	-102.300	297.700	
2	Cải tạo hệ thống tiêu thoát lũ và kết nối giao thông hai bờ Suối Trầu Khu đô thị Long Vân, thành phố Quy Nhơn	Ban QLDA NN&PTNT	2022-2025	4044/QĐ-UBND; 3/12/2022	330.000	330.000	317.800	-50.000	267.800	
3	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi La Tinh	Ban QLDA NN&PTNT	2022-2024	1078/QĐ-UBND; 04/04/2022	150.000	150.000	150.000	-10.000	140.000	
<b>B</b>	<b>DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH TĂNG</b>							<b>187.856</b>		
<b>a)</b>	<b>Dự án đã có trong Kế hoạch trung hạn cần bổ sung vốn</b>							<b>129.151</b>		
1	Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải – Tiêu dự án thành phố Quy Nhơn	Ban QLDA DD&CN	2017-2024	4521/QĐ-UBND ngày 09/12/2016; 979/QĐ-UBND ngày 27/3/2018; 3205/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 và 974/QĐ-UBND ngày 31/3/2023	741.995	311.520	13.012	2.911	15.923	
2	Trường THCS Phước Mỹ	UBND TP Quy Nhơn	2022-2024	682/QĐ-UBND; 8/3/2023	22.174	5.241	4.001	1.240	5.241	
3	Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước hư hỏng, xuống cấp giai đoạn 2021-2025	Ban QLDA NN&PTNT	2022-2025	3743/QĐ-UBND; 14/11/2022	180.000	180.000	148.998	30.000	178.998	
4	Đập dâng Hà Thanh 1, huyện Văn Canh	Ban QLDA NN&PTNT	2021-2026	1077/QĐ-UBND; 04/04/2022	220.000	50.000	8.370	15.000	23.370	
5	Xây dựng tuyến đường ven biển, đoạn qua đèo Lộ Diêu	Ban QLDA NN&PTNT	2023-2025	4085/QĐ-UBND; 06/11/2023	204.837	204.837	80.443	80.000	160.443	
<b>c)</b>	<b>Dự án mới bổ sung vào kế hoạch trung hạn</b>							<b>58.705</b>		
1	Dự án Trụ sở Trường Chính trị tỉnh Bình Định	Ban QLDA DD&CN	2025-2028	47/NQ-HĐND ngày 27/9/2024	269.106	269.106		10.000	10.000	
2	Xây dựng cầu vượt lũ Mỹ Thành, huyện Hoài Ân	UBND huyện Hoài Ân	2024-2027	48/NQ-HĐND; 27/9/2024	149.984	105.000		10.000	10.000	
3	Dự án Xây dựng khu tái định cư Vĩnh Lợi, huyện Phù Mỹ	Ban QLDA NN&PTNT	2024-2027	46/NQ-HĐND ngày 27/9/2024	98.700	98.700		10.000	10.000	
4	Dự án Mở rộng cảng cá Đê Gi	Ban QLDA NN&PTNT	2024-2027	3524/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	50.000	50.000		8.000	8.000	
5	Đường vào cụm CN Gò Cây	UBND huyện Tây Sơn	2024-2026	3203/QĐ-UBND; 11/9/2024	29.840	17.260		6.000	6.000	
6	Trụ sở HĐND và UBND xã Vĩnh Quang	UBND huyện Vĩnh Thạnh	2025-2026	3606/QĐ-UBND; 16/10/2024	9.500	7.217		7.217	7.217	
7	Đường vào cụm CN Bình Tân, xã Bình Tân	UBND huyện Tây Sơn	2024-2026	2896/QĐ-UBND; 14/8/2024	22.093	4.153		2.000	2.000	
8	Nâng cấp hệ thống chiếu sáng Sân vận động Quy Nhơn	Sở VH TT	2024-2026	3482/QĐ-UBND; 04/10/2024	12.377	12.377		5.488	5.488	

Ghi chú: (\*) Không phân biệt nguồn vốn

Phụ lục 02

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư/ dự toán	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán	Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025			Ghi chú
						KH vốn đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
<b>A</b>	<b>VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>								
<b>A.1</b>	<b>Điều chỉnh, bổ sung vốn trong nội bộ xã nông thôn mới</b>								
<b>I</b>	<b>Thị xã An Nhơn</b>								
<b>1</b>	<b>Xã Nhơn Hậu</b>						<b>0,000</b>		
<b>a</b>	<b>Danh mục giảm vốn</b>						<b>-533,900</b>		
	Đường nội đồng từ cống Xi phong đến trang trại bò ông Thứ	Thiết Trụ	2023	236/QĐ-UBND ngày 7/6/2023	417	456,100	-296,000	160,100	
	Đường nội đồng từ cống Ông Phán đến cầu Bến Gỗ	Bắc Nhân Tháp	2023	265/QĐ-UBND ngày 9/6/2023	582	417,000	-237,900	179,100	
<b>b</b>	<b>Danh mục tăng vốn</b>						<b>533,900</b>		
	<i>Tiêu chí: Giao thông</i>								
	Mở rộng tuyến đường từ nhà ông Quyền đến nhà bà Thanh	Thiết Trụ	2023	274/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	13.725	539,900	533,900	1.073,800	
<b>2</b>	<b>Xã Nhơn Mỹ</b>						<b>0,000</b>		
<b>a</b>	<b>Danh mục giảm vốn</b>						<b>-230,000</b>		
	Nâng cấp các hạng mục chợ trung tâm xã thuộc khu Gò Quánh	Thuận Đức	2022	121/QĐ-UBND ngày 18/04/2022	3.351	230,000	-230,000	0	
<b>b</b>	<b>Danh mục tăng vốn</b>						<b>230,000</b>		
	<i>Tiêu chí: Giao thông</i>								
	Mở rộng đường ĐH 34 đến trạm bơm Đại Bình	Đại Bình	2023	479/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	8.698	1.183,000	230,000	1.413,000	
<b>II</b>	<b>Huyện Hoài Ân</b>								
<b>1</b>	<b>Xã Ân Hào Tây</b>						<b>0,000</b>		
<b>a</b>	<b>Danh mục giảm vốn</b>						<b>-475,204</b>		
	Hệ thống thoát nước khu dân cư Vạn Trung	Vạn trung	2023	93/QĐ-UBND ngày 30/5/2023	898	1.000,000	-123,946	876,054	
	Tuyến từ UBND xã Ân Hào Tây đến cầu Ân Hào Tây	Vạn trung	2024	39/QĐ-UBND ngày 15/3/2024	1.970	1.149,000	-351,258	797,742	
<b>b</b>	<b>Danh mục tăng vốn</b>						<b>475,204</b>		
	<i>Tiêu chí: Giao thông</i>								
	Nâng cấp mở rộng tuyến suối Le Tân Xuân đi Hóc Chùa	Vạn trung	2023	98/QĐ-UBND ngày 27/3/2023	4.698	3.153,000	475,204	3.628,204	
<b>III</b>	<b>Huyện Phù Cát</b>								
<b>1</b>	<b>Xã Cát Hưng</b>						<b>0,000</b>		
<b>a</b>	<b>Danh mục giảm vốn</b>						<b>-489,000</b>		
	Sửa chữa, mở rộng tuyến đường 202 từ dốc nước số 1 (thôn Mỹ Long) nhà họp xóm 3 (thôn Lộc Khánh)	Lộc Khánh			11.902	1.183,000	-489,000	694,000	
<b>b</b>	<b>Danh mục tăng vốn</b>						<b>489,000</b>		
	<i>Tiêu chí: Thủy lợi và phòng, chống thiên tai</i>								
	Kênh BTXM nội đồng, tuyến từ 9 Sào đến Thủy Đài	Mỹ Long	2023	594/QĐ-UBND ngày 17/07/2023	1.328	0	100,000	100,000	
	Kênh BTXM nội đồng, tuyến từ Lỗ Ông Trứ - Đường 202	Hội Lộc	2024	1041/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	1.218	0	289,000	289,000	
	Kênh BTXM nội đồng, tuyến từ Cây Trâm đến bờ Sông Sa	Hưng Mỹ I	2023-2024	723/QĐ-UBND ngày 29/08/2023	783	0	100,000	100,000	
<b>IV</b>	<b>Huyện Tuy Phước</b>								
<b>1</b>	<b>Xã Phước An</b>						<b>0,000</b>		
<b>a</b>	<b>Danh mục giảm vốn</b>						<b>-370,000</b>		
	BTXM đường nội đồng từ Ngã 5 đến Thiện Trường, thôn Ngọc Thạnh 1	Ngọc Thạnh 1		2647/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 của UBND tỉnh	820	100,000	-100,000	0	
	BTXM đường nội đồng từ Ngõ Sỹ đến Cầu Giáp Sớ, thôn Ngọc Thạnh 1	Ngọc Thạnh 1		2647/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 của UBND tỉnh	840	100,000	-100,000	0	
	BTXM đường nội đồng từ Cầu Gòn đến Gò Nhân, thôn Đại Hội	Đại Hội		2647/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 của UBND tỉnh	300	50,000	-50,000	0	
	BTXM từ ngõ Tuấn đến Ngõ Cúc thôn An Sơn 2	An Sơn 2		2647/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 của UBND tỉnh	700	120,000	-120,000	0	
<b>b</b>	<b>Danh mục tăng vốn</b>						<b>370,000</b>		
	<i>Tiêu chí: Thủy lợi và phòng, chống thiên tai</i>								
	KCHKM Mương Ngõ Văn đến Ao bà Tâm	An Hòa 1	2023-2024	219/QĐ-UBND ngày 04/06/2024	1.385	0	270,000	270,000	
	<i>Tiêu chí: Trường học</i>								
	Nâng cấp, cải tạo một số hạng mục trường Trung học cơ sở Phước An	An Sơn 1	2024-2025	2647/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 của UBND tỉnh	1.161	299,000	100,000	399,000	
<b>2</b>	<b>Xã Phước Nghĩa</b>						<b>0,000</b>		
<b>a</b>	<b>Danh mục giảm vốn</b>						<b>-719,000</b>		
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ ĐH 42 đến giáp xóm Gò, thôn Hưng Nghĩa	Hưng Nghĩa	2024-2025	Quyết định số 2647/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 của UBND tỉnh	1.966	878,900	-719,000	159,900	

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư/ dự toán	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán	Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025			Ghi chú
						KH vốn đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
<b>b</b>	<b>Danh mục tăng vốn</b>						<b>719,000</b>		
	<i>Tiêu chí: Giao thông</i>								
	Thâm nhựt tuyến Đường khu trung tâm xã - DS 8	Hưng Nghĩa	05/06/2024-03/08/2024	135/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	753	0	319,000	319,000	
	Thâm nhựt tuyến DS3 - DS 6 khu trung tâm xã	Hưng Nghĩa	23/9/2024-6/11/2024	251/QĐ-UBND ngày 16/9/2024	909	0	400,000	400,000	
V	Huyện Vĩnh Thạnh								
I	Xã Vĩnh Hảo						<b>0,000</b>		
<b>a</b>	<b>Danh mục giảm vốn</b>						<b>-9,377</b>		
	Nâng cấp, cải tạo nhà văn hóa thôn Định Trị	Thôn Định Trị	06/7/2023-12/10/2023	1561/QĐ-UBND ngày 04/7/2023	460,000	414,000	-9,377	<b>404,623</b>	
<b>b</b>	<b>Danh mục tăng vốn</b>						<b>9,377</b>		
	Thoát nước, chống ngập đọng cục bộ khu vực UBND xã Vĩnh Hảo	Thôn Định Tam	27/10/2023-05/01/2024	2957/QĐ-UBND ngày 27/10/2023	763,243	266,735	9,377	<b>276,112</b>	